

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2020/HSST

Ngày: 14 - 01 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Liên

Bà Bùi Thị Kim Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 91/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Hồng Ch** (Tên gọi khác: T), sinh năm 1990, tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp TT, xã LK, huyện DH, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Nhân viên thị trường; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hồng A và bà Tạ Ngọc N; bị cáo có vợ là Hồ Thị Kim V, có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/10/2018 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Hàn L – Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: K13 LTK, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người bị hại: Anh Trần Minh H, sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1979; trú tại: Thôn 1, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1985; trú tại: Thôn NH, xã NĐ, huyện KN, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

+ Anh Dương Quang C, sinh năm 1986; trú tại: 39 BÐ, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (Văng mặt).

+ Anh Đinh Văn T1, sinh năm 1983; trú tại: 150 NTT, thị trấn ĐM, huyện KN, tỉnh Đắk Nông (Văng mặt).

+ Anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1976; trú tại: Thôn TT, xã TV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng (Văng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Hồng Ch là nhân viên thị trường của Công ty phân bón ĐN tại khu vực Tây Nguyên. Từ năm 2014, Ch làm việc tại tỉnh Đắk Lắk có quen biết và đã nhiều lần thuê xe ô tô của anh Trần Minh H làm nghề kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái, các lần thuê xe Ch đều trả xe và thanh toán tiền thuê đầy đủ khi xong công việc. Do không có tiền tiêu xài nên từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018 Ch đã thuê của anh H 03 chiếc xe ô tô, sau đó làm giả giấy tờ và đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Ngày 19/4/2018 Ch thuê xe ô tô hiệu ISUZU, loại 07 chỗ ngồi, biển số 47A-219.79 cùng toàn bộ giấy tờ gốc của chiếc xe do anh H đứng tên chủ sở hữu. Sau khi thuê xe, Ch sử dụng làm phương tiện đi giới thiệu sản phẩm phân bón tại thị trường tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Lâm Đồng. Quá trình đi làm Ch có tham gia cá độ bóng đá qua mạng Internet và bị thua nhiều tiền. Để có tiền trả nợ và tiếp tục chơi cá độ, ngày 19/6/2018 Ch mang chiếc xe 47A-219.79 cùng toàn bộ giấy tờ đến cầm cho anh Nguyễn Hữu T2, trú tại Thôn TT, xã TV, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng lấy số tiền 140.000.000 đồng. Số tiền này Ch dùng cá độ bóng đá, tiêu xài cá nhân và trả nợ hết. Khi cầm xe cho anh T2, Ch nói với anh T2 chiếc xe trên là do Ch mua lại nhưng chưa sang tên đổi chủ, anh T2 có yêu cầu Ch đưa hợp đồng mua bán xe giữa người bán là anh Trần Minh H và người mua là Phan Hồng Ch, có dấu đỏ của Phòng công chứng rồi đưa cho anh T2. Trong thỏa thuận thì Ch chỉ cầm xe cho anh T2 trong thời hạn một tháng nhưng quá thời hạn không thấy Ch chuộc xe, anh T2 gọi điện thoại yêu cầu Ch chuộc xe nhưng Ch không có tiền nên đã nói với anh T2 cứ để xe đó và tính tiền lãi cho Ch. Vì đợi lâu không thấy Ch chuộc xe, nhà lại không có chỗ để nên anh T2 đã giới thiệu cho Ch cầm lại chiếc xe trên cho anh Dương Quang C, trú tại 39 BÐ, thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 26/8/2018, Ch và anh C gặp nhau tại nhà anh T2, hai bên thống nhất là anh C nhận cầm chiếc xe trên cho Ch với số tiền 170.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Ch trả lại cho anh T2 số tiền 140.000.000 đồng và tiền lãi trong thời gian cầm xe cho anh T2, còn lại sử dụng để cá độ bóng đá qua mạng Internet và bị thua hết. Từ khi cầm chiếc xe trên cho anh C

thì Ch không quay lại chuộc xe cũng không trả tiền lãi nên anh C đã rao bán chiếc xe để thu hồi vốn nhưng chưa bán được. Ngày 14/11/2018 Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe và giấy tờ xe ô tô trên để phục vụ công tác điều tra.

Sau khi cầm chiếc xe ô tô biển số 47A-219.79 cho anh T2, Ch đã đến gặp anh H và nói dối là chiếc xe ô tô 47A-219.79 Ch đưa cho người khác trong Công ty đi. Ch hỏi anh H thuê thêm một chiếc xe ô tô khác, anh H đã đưa chiếc xe ô tô biển số 47A-070.11 và Giấy tờ xe cho Ch. Ch sử dụng chiếc xe trên đi về quê khoảng 01 tuần thì bị mất giấy tờ xe nên mang xe lên trả lại cho anh H để anh H đi làm lại giấy tờ, hai bên thỏa thuận trong thời gian anh H đi làm lại giấy tờ thì Ch vẫn phải trả tiền thuê xe cho anh H. Sau đó, Ch tiếp tục hỏi thuê chiếc xe khác và anh H cho Ch thuê chiếc xe ô tô hiệu VIOS biển số 47A-189.67. Khi giao xe cho Ch thì anh H có giao giấy chứng nhận kiểm định và giấy chứng nhận bảo hiểm bản gốc nhưng lại đưa nhầm bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký cũ của chiếc xe, người đứng tên trên giấy đăng ký là Nguyễn Thị H2. Khi thuê được chiếc xe trên, Ch sử dụng làm phương tiện đi làm tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông. Sau đó, do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, Ch lên mạng Internet tìm người thuê làm giả giấy tờ xe 47A-189.67, mục đích nhằm cầm cố được giá cao và làm tin với người nhận cầm cố. Ch đặt làm giả một giấy chứng nhận đăng ký xe đúng với thông tin trên giấy đăng ký phô tô cùng với một bản hợp đồng mua bán xe có công chứng mà người mua xe là Ch, người bán xe là Nguyễn Thị H2. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký và bản hợp đồng giả thì Ch viết tên và địa chỉ của Ch bên phần người mua rồi ký tên vào bản hợp đồng. Số tiền Ch phải trả cho người làm giả giấy tờ (không rõ nhân thân, lai lịch) là 2.200.000 đồng, người này sau khi nhận tiền của Ch thì cho Ch thêm một bản hợp đồng mua bán xe để trống, bản hợp đồng này Ch đã viết thông tin mua bán xe 47A-219.79 rồi đưa cho anh Nguyễn Hữu T2. Ngày 21/7/2018 Ch mang xe ô tô 47A-189.67 cùng toàn bộ giấy tờ trên đến gặp anh Lê Văn Ph, trú tại thôn Thôn NH, xã NĐ, huyện KN, tỉnh Đắk Nông nói là xe Ch mua nhưng chưa sang tên đổi chủ và thế chấp cho anh Ph lấy tổng số tiền 136.000.000 đồng, số tiền này Ch dùng vào cá độ bóng đá qua mạng và tiêu xài cá nhân hết. Khi cầm xe cho anh Ph thì Ch nói chỉ cầm trong thời gian một tháng, nhưng sau đó Ch bỏ mặc không chuộc xe cũng không trả tiền lãi cho anh Ph. Do cần tiền trả nợ khoản tiền vay lúc nhận cầm xe cho Ch nên anh Ph mang bộ giấy tờ của xe ô tô 47A-189.67 mà Ch đang thế chấp đến thế chấp cho anh Đinh Văn T1, trú tại 150 NTT, thị trấn ĐM, huyện KN, tỉnh Đắk Nông để vay số tiền 30.000.000 đồng, số tiền này anh Ph vẫn chưa trả được cho anh T1. Ngày 28/11/2008 Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe ô tô 47A-189.67 và giấy tờ xe để phục vụ công tác điều tra.

Sau khi cầm chiếc xe ô tô biển số 47A-189.67 cho anh Ph, Ch tiếp tục đến gặp anh H nói dối là chiếc xe trên đang để cho người cùng Công ty đi và thuê lại

chiếc xe 47A-070.11 mà lúc trước Ch đã làm mất giấy tờ xe, anh H liền giao chiếc xe cho Ch, vì khi Ch trả lại xe ô tô để anh H làm lại giấy tờ thì Hợp đồng thuê lúc trước vẫn còn, Ch vẫn phải trả tiền thuê xe trong thời gian anh H đi làm lại giấy tờ. Do chưa làm xong giấy tờ xe nên anh H chỉ giao cho Ch chiếc xe 47A-070.11 mà không giao giấy tờ gì. Ch sử dụng chiếc xe này để đi làm nhưng sau đó do cần tiền tiêu xài nên ngày 21/8/2018 Ch tiếp tục mang chiếc xe này cầm cố cho anh Ph lấy số tiền 25.000.000 đồng, số tiền này Ch cũng tiêu xài hết. Chiếc xe này Ch cũng nói với anh Ph là chỉ cầm cố trong thời gian một tháng nhưng sau đó Ch cũng không đến chuộc xe và cũng không trả lãi cho anh Ph. Ngày 18/10/2008 Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe ô tô trên.

Tại các Bản kết luận giám định tài sản số 2470/HĐĐG ngày 25/10/2018, số 2801/HĐĐG ngày 29/11/2018, số 2836/HĐĐG ngày 04/12/2018 của Hội đồng định giá tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giá trị các chiếc xe ô tô biển số 47A-070.11 là 210.000.000 đồng; ô tô biển số 47A-219.79 là 240.000.000 đồng; ô tô biển số 47A-189.67 là 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 650.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 1145/PC09 ngày 25/12/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Cả 03 chiếc xe ô tô trên có số khung, số máy không bị thay đổi.

Ngày 21/11/2018, phòng PC6 có Công văn số 3301/PC6 xác định: Phòng PC6 Công an tỉnh Đắk Lắk không cấp cho đơn vị, cơ quan, tổ chức nào con dấu có hình mẫu dấu như trong hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 47A-219.79.

Tại kết luận giám định số 28/PC09 ngày 17/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028307 của xe 47A-189.67 là giấy chứng nhận giả; hình dấu tròn trong hợp đồng mua bán xe ô tô 47A-189.67 không phải là dấu tròn của Phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk đóng ra; chữ ký, chữ viết (phần viết tay) trong hai bản hợp đồng mua bán xe phần mang tên Phan Hồng Ch đều do Phan Hồng Ch viết và ký ra.

Bản cáo trạng số 80/CT-VKS-P2 ngày 07/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phan Hồng Ch về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Hồng Ch đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung Bản kết luận điều tra, Bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Tại phiên tòa đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên nội

dung Bản cáo trạng số 80/CT-VKS-P2 ngày 07/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố đối với bị cáo Phan Hồng Ch. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản); Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phan Hồng Ch từ 14 -15 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và từ 02 - 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là từ 16 - 18 năm tù

- Về xử lý vật chứng và phân trách nhiệm dân sự: Kiểm sát viên đề nghị như Bản cáo trạng.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Hồng Ch cho rằng: Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo là nặng, vì trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, con còn nhỏ, mẹ mất và bố bị cáo đã bỏ đi từ khi bị cáo còn nhỏ. Sau khi phạm tội bị cáo không liên lạc được với gia đình nên chưa khắc phục được hậu quả. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Phan Hồng Ch tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 8/2018 bị cáo Phan Hồng Ch đã thuê của anh Trần Minh H 03 chiếc xe ô

tô mang biển kiểm soát số 47A-219.79, 47A-189.67 và 47A-070.11 với mục đích ban đầu bị cáo thuê xe ô tô trên để sử dụng làm phương tiện đi giới thiệu sản phẩm phân bón tại thị trường tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, để có tiền cá độ bóng đá và tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt các chiếc xe ô tô đã thuê của anh H.

Để chiếm đoạt được tài sản của chủ sở hữu, bị cáo Ch đã lên mạng Internet thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 47A-189.67 cùng hai bản hợp đồng mua bán xe ô tô 47A-189.67 và 47A-219.79 rồi sử dụng giấy tờ giả đưa đi cầm nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Bị cáo mang xe ô tô biển số 47A-219.79 đưa đi cầm cố cho anh Nguyễn Hữu T2 lấy 140.000.000 đồng, rồi cầm cố chiếc xe này chiếm đoạt của anh Dương Quang C số tiền 170.000.000 đồng, cầm cố cho anh Lê Văn Ph xe biển số 47A-189.67 và 47A-070.11 và chiếm đoạt của anh Ph 161.000.000 đồng. Tổng trị giá 03 chiếc xe ô tô mà bị cáo Phan Hồng Ch chiếm đoạt là 650.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Phan Hồng Ch đã phạm vào các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự và tội “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

.....

4. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

....

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được Pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu và giấy tờ khác được Pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt thỏa đáng, buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài thì mới phát huy được tác dụng giáo dục bị cáo và cảnh báo, răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chiếm đoạt 03 chiếc xe ô tô của anh H với thời gian khác nhau nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Phan Hồng Ch phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt của anh Dương Quang C là 170.000.000 đồng và anh Lê Văn Ph là 161.000.000 đồng.

Đối với người bị hại anh Trần Minh H thì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã giao trả 03 chiếc xe ô tô biển số 47A-189.67, 47A-219.79, 47A-070.11 cùng các loại giấy tờ liên quan đến các xe ô tô cho người bị hại anh Trần Minh H là chủ sở hữu hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo Phan Hồng Ch phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quá trình điều tra, bị cáo Phan Hồng Ch còn khai nhận có tham gia đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá trên mạng Internet tại các trang Thiên Hà và W88.com. Tuy nhiên, bị cáo không còn nhớ cụ thể chơi bao nhiêu tiền, chơi với ai và vào thời gian nào. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã tách hình vi trên để tiếp tục điều tra, làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[9] Đối với người đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 47A-189.67 và 02 bản hợp đồng mua bán xe ô tô 47A-189.67 và 47A-219.79 cho bị cáo Phan Hồng Ch. Do không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phan Hồng Ch phạm các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản); Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phan Hồng Ch 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 19/10/2018.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Đắk Lắk đã giao trả 03 chiếc xe ô tô biển số 47A-189.67, 47A-219.79, 47A-070.11 cùng các loại giấy tờ liên quan đến 03 chiếc xe ô tô trên cho người bị hại anh Trần Minh H là chủ sở hữu hợp pháp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Phan Hồng Ch phải có trách nhiệm trả lại cho anh Dương Quang C với số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng); anh Lê Văn Ph với số tiền là 161.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Hồng Ch phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 16.550.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo;
- Dương sự;
-;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng